

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1551/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch xây dựng Báo cáo chuyên đề và Đề cương chi tiết Báo cáo chuyên đề của Chính phủ: “Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Công văn số 248-CV/ĐĐQH15 ngày 30/9/2021 của Đảng đoàn Quốc hội về việc xây dựng báo cáo chuyên đề phục vụ triển khai xây dựng Chuyên đề 9;*


*Căn cứ Công văn số 7267/VPCP-PL ngày 07/10/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh về xây dựng chuyên đề của Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng Báo cáo chuyên đề và Đề cương chi tiết Báo cáo chuyên đề của Chính phủ: “Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP, các bộ, ngành (để p/h);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Viện KHPL (35).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Phan Chí Hiếu**



**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CỦA CHÍNH PHỦ**

**Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng**

**Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam\***

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-BTP ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

### **Phần thứ nhất**

## **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT†**

### **I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

#### **1. Đánh giá những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật trên các lĩnh vực**

(1) Tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, pháp luật về cán bộ, công chức, công vụ.

(2) Bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (bao gồm pháp luật về dân sự, hình sự, dân tộc và tôn giáo).

(3) Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(4) Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

(5) Văn hoá, thể thao và du lịch; thông tin, truyền thông; y tế và an sinh xã hội.

(6) Quốc phòng; an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

(7) Hội nhập quốc tế.

#### **2. Đánh giá về công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật**

- Đánh giá về tính toàn diện, đồng bộ, tính thống nhất, phù hợp, khả thi, dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật (cả mặt tích cực và hạn chế, bất cập).

\* Thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

† Thời gian tổng kết, đánh giá thực tiễn là từ khi thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 đến nay, tập trung vào thời điểm từ khi ban hành Hiến pháp năm 2013.



- Đánh giá về trình độ lập pháp: về trình tự, thủ tục xây dựng pháp luật; về kỹ thuật lập pháp; việc áp dụng công nghệ, các công cụ kỹ thuật trong hoạt động xây dựng pháp luật, quản lý hệ thống pháp luật... (cả mặt tích cực và hạn chế, bất cập).

### **3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập**

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được.
- Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

## **II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT**

### **1. Đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trên các phương diện**

(1) Công tác ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa pháp luật.

(2) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, phát triển hệ thống thông tin pháp luật, trợ giúp pháp lý, tăng cường khả năng tiếp cận của người dân đối với hệ thống pháp luật.

(3) Việc tổ chức áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công tác bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, ngân sách và các điều kiện khác cho việc thi hành pháp luật.

(4) Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

(5) Công tác xử lý vi phạm hành chính; xử lý kỷ luật công chức, viên chức; xử lý tội phạm.

(6) Công tác sơ kết, tổng kết việc tổ chức thi hành pháp luật.

### **2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập**

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được.
- Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập.

## **III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **Phần thứ hai**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG,  
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG  
PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT ĐẾN NĂM 2030,  
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG,  
HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

## **I. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

**1. Bối cảnh, tình hình quốc tế và khu vực**

**2. Bối cảnh, tình hình trong nước**

**3. Những yêu cầu của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong tình hình mới**

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

**2. Mục tiêu**

2.1. Mục tiêu tổng quát

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2021 - 2030

- Định hướng đến năm 2045

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG**

**1. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, pháp luật về cán bộ, công chức, công vụ**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Giai đoạn 2031-2045.

**2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân (bao gồm pháp luật về dân sự, hình sự, dân tộc và tôn giáo)**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Giai đoạn 2031-2045.

**3. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Giai đoạn 2031-2045.

**4. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.

- Giai đoạn 2031-2045.



**5. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về văn hoá, thể thao, du lịch; thông tin, truyền thông; y tế và an sinh xã hội**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Giai đoạn 2031-2045.

**6. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế số và chính phủ số**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Giai đoạn 2031-2045.

**7. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quốc phòng; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Giai đoạn 2031-2045.

**8. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Giai đoạn 2031-2045.

**9. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Giai đoạn 2031-2045.

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung**

1.1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

1.2. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

1.3. Các giải pháp về điều kiện bảo đảm (nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính và các điều kiện bảo đảm khác).

**2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

2.1. Nhóm giải pháp nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nâng cao tính khả thi và hiệu quả, chất lượng của công tác dự báo trong xây dựng pháp luật...

2.2. Nhóm giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình, cách thức xây dựng pháp luật.

### **3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác tổ chức thi hành pháp luật**

3.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển hóa pháp luật.

3.2. Đổi mới và nâng cao chất lượng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, phát triển hệ thống thông tin pháp luật, trợ giúp pháp lý, tăng cường khả năng tiếp cận của người dân đối với hệ thống pháp luật.

3.3. Thường xuyên thực hiện việc theo dõi, đôn đốc thi hành pháp luật.

3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.5. Tăng cường bảo đảm các điều kiện về nhân lực, ngân sách và các điều kiện khác cho việc tổ chức thi hành pháp luật.

3.6. Chú trọng và đổi mới cách thức tiến hành công tác sơ kết, tổng kết việc tổ chức thi hành pháp luật.

## **V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT**

### **Phần thứ ba KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Tập trung vào 02 nhóm nội dung sau:

- Những kiến nghị, đề xuất về việc xây dựng Chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Những kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**Phụ lục kèm theo (nếu có).**







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## KẾ HOẠCH XÂY DỰNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CỦA CHÍNH PHỦ

**Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

(ban hành kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-BTP ngày 15/10/2021  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh (tại Công văn số 7267/VPCP-PL ngày 07/10/2021 của Văn phòng Chính phủ) trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự thảo Báo cáo chuyên đề của Chính phủ “*Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” theo đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội tại Công văn số 248-CV/ĐĐQH15 ngày 30/9/2021 của Đảng đoàn Quốc hội (sau đây gọi tắt là Báo cáo chuyên đề của Chính phủ), Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch xây dựng Báo cáo chuyên đề của Chính phủ với những nội dung như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng Báo cáo chuyên đề của Chính phủ gửi Đảng đoàn Quốc hội về các nội dung liên quan đến thực trạng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, đề xuất quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### 2. Yêu cầu

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, phạm vi, nội dung nghiên cứu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu trong Kế hoạch, Đề cương của Ban Chỉ đạo Trung ương trong quá trình xây dựng Báo cáo chuyên đề của Chính phủ.

- Phân công cụ thể nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp trong việc tham gia xây dựng Báo cáo chuyên đề của Chính phủ; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên



quan trọng triển khai thực hiện nhiệm vụ; huy động sự tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và các chuyên gia, nhà khoa học.

- Kế thừa kết quả tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; kết quả tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các kết quả nghiên cứu khác có liên quan.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch phải bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao.

## II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ, TIẾN ĐỘ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

**1. Xây dựng Kế hoạch xây dựng Báo cáo chuyên đề của Chính phủ**  
*“Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật ở Việt Nam - Thực trạng và quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* (sau đây gọi là Báo cáo chuyên đề của Chính phủ) và Đề cương chi tiết Báo cáo chuyên đề của Chính phủ

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ.
- Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 11/10/2021.

**2. Xây dựng các nội dung trong Dự thảo Báo cáo chuyên đề của Chính phủ** (theo Đề cương chi tiết Báo cáo chuyên đề của Chính phủ kèm theo Kế hoạch này, sau đây gọi tắt là Đề cương Báo cáo)

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp:

+ Bộ Nội vụ: thực hiện nội dung I.1.(1), I.1.(2), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(5), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.1, III.2, III.9, IV.2, IV.3.3.4, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Công Thương: thực hiện nội dung I.1.(3), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.3, III.6, III.9, IV.2,



IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường: thực hiện nội dung I.1.(3), I.1.(4), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.3, III.4, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông: thực hiện nội dung I.1.(5), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.5, III.6, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Công an: thực hiện nội dung I.1.(6), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(5), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.7, III.9, IV.2, IV.3.3.4, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải: thực hiện nội dung I.1.(3), I.2, I.3; II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.3, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ: thực hiện nội dung I.1.(4), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.4, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: thực hiện nội dung I.1.(5), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.5, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Ủy ban Dân tộc: thực hiện nội dung I.1.(2), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.2, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Thanh tra Chính phủ: thực hiện nội dung II.1.(3), II.1.(4), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Chính phủ) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.9, IV.3.3.4, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Chính phủ) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Quốc phòng: thực hiện nội dung I.1.(6), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.7, III.9, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

+ Bộ Ngoại giao: thực hiện nội dung I.1.(7), I.2, I.3, II.1.(3), II.1.(6), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.8, IV.2, IV.3.3.5, IV.3.3.6 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

- Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

### **3. Gửi Dự thảo Báo cáo chuyên đề của Chính phủ lấy ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành**

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 15/11/2021.

### **4. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn phục vụ việc xây dựng dự thảo Báo cáo chuyên đề của Chính phủ**

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 15/11/2021.

### **5. Hoàn thiện dự thảo Báo cáo chuyên đề của Chính phủ, trình, xin ý kiến các thành viên Ban cán sự đảng Chính phủ**

- Cơ quan chủ trì về nội dung: Bộ Tư pháp.

- Tổ chức xin ý kiến các thành viên Ban cán sự đảng Chính phủ: Văn phòng Chính phủ.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 20/11/2021.

### **6. Tiếp thu ý kiến của thành viên Ban cán sự đảng Chính phủ, hoàn thiện Báo cáo chuyên đề gửi Đảng đoàn Quốc hội**

- Cơ quan chủ trì về nội dung: Bộ Tư pháp.

- Tổ chức trình Ban cán sự đảng Chính phủ phát hành: Văn phòng Chính phủ.



- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- Thời hạn: Ngày 01/12/2021.

### **III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP THAM GIA XÂY DỰNG CÁC NỘI DUNG TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**

1. Viện Khoa học pháp lý: thực hiện nội dung I.2, I.3, II thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo; tổng hợp xây dựng dự thảo Báo cáo chuyên đề.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

2. Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật: thực hiện nội dung I.1, I.2, I.3, II.1.(1) và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung IV.1, IV.2, IV.3.3.1 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

3. Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật: thực hiện nội dung II và III thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung IV.1, IV.3 và V thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

4. Vụ Pháp luật hình sự - hành chính: thực hiện nội dung I.1.(2) (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.2 (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ), IV.1, IV.2 và V thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

5. Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế: thực hiện nội dung I.1. (2) và (3) (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung III.2 (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ), III.3, IV.1, IV.2 và V thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

6. Vụ Pháp luật quốc tế: thực hiện nội dung I.1.(7) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung I.1, III.8, IV.1, IV.2 và V thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo; Phần thứ ba của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

7. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật: thực hiện nội dung II.1.(2), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung IV.3.3.2 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Vụ) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

8. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện nội dung II.1.(1), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Cục) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; thực hiện nội dung IV.3.3.1 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Cục) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

9. Cục Trợ giúp pháp lý: thực hiện nội dung II.1.(2), II.2 và III (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Cục) thuộc Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo; viết nội dung IV.3.3.2 và V (phần liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Cục) thuộc Phần thứ hai của Đề cương Báo cáo.

Thời hạn: Hoàn thành trước ngày 05/11/2021.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Viện Khoa học pháp lý là đơn vị đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

2. Cục Kế hoạch - Tài chính bố trí nguồn ngân sách đảm bảo cho các đơn vị trong Bộ triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này.

3. Căn cứ vào Kế hoạch này, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; phối hợp chặt chẽ với Viện Khoa học pháp lý trong quá trình thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ; kịp thời báo cáo lãnh đạo Bộ những vấn đề phát sinh, cần xin ý kiến./.

